

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN**  
**MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM,**  
**CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC**

**Tài liệu phát thanh bao gồm 03 phần:**

**Phần I.** Một số quy định chung về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

**Phần II.** Một số quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

**Phần III.** Một số quy định về hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

**Phần IV.** Trách nhiệm pháp lý khi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

**PHẦN I**  
**MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM,**  
**CHỐNG LÃNG PHÍ**

**Câu hỏi 1: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định như thế nào về “tiết kiệm”, “lãng phí”?**

**Trả lời:**

- Tại khoản 1 Điều 3 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 quy định:

Tiết kiệm là việc giảm bớt hao phí trong sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định. Đối với việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên ở những lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì tiết kiệm là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định hoặc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng đạt cao hơn mục tiêu đã định.

- Tại khoản 2 Điều 3 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 quy định:

Lãng phí là việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên không hiệu quả. Đối với lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc không đạt mục tiêu đã định.

**Câu hỏi 2: Luật Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí quy định như thế nào về nguyên tắc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí?**

**Trả lời:**

Tại Điều 4 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 quy định nguyên tắc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như sau:

1. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên từ chủ trương, đường lối, cơ chế chính sách đến tổ chức thực hiện gắn với kiểm tra, giám sát.
2. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải căn cứ vào định mức, tiêu chuẩn, chế độ và quy định khác của pháp luật.
3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải gắn với cải cách hành chính và bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, không để ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức.
4. Thực hiện phân cấp quản lý, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ được giao gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
5. Bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; bảo đảm vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

**Câu hỏi 3: Việc công khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc công khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được quy định tại Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 như sau:

1. Công khai các hoạt động quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động và tài nguyên là biện pháp để bảo đảm thực hành tiết kiệm, ngăn chặn, phòng ngừa lãng phí.
2. Trừ lĩnh vực, hoạt động thuộc bí mật nhà nước, các lĩnh vực, hoạt động sau đây phải thực hiện công khai:
  - a) Dự toán, phân bổ, điều chỉnh dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước; các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước;
  - b) Đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản trong cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước;
  - c) Các khoản thu vào ngân sách nhà nước, huy động vốn cho ngân sách nhà nước và cho tín dụng nhà nước; các quỹ có nguồn huy động đóng góp trong và ngoài nước; nợ công theo quy định tại Luật Quản lý nợ công;
  - d) Các quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển ngành, vùng; kế hoạch sử dụng đất; danh mục dự án đầu tư, nguồn vốn đầu tư; kế hoạch và hoạt động khai thác tài nguyên;

đ) Định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan, tổ chức quy định hoặc áp dụng thực hiện; quy chế quản lý tài chính, chi tiêu nội bộ của cơ quan, tổ chức; quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành, lĩnh vực;

e) Phân bổ, sử dụng nguồn lực lao động;

g) Chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí;

h) Quy trình, thủ tục giải quyết công việc giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân;

i) Lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức công khai bao gồm:

a) Phát hành ấn phẩm;

b) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

c) Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

d) Đưa lên trang thông tin điện tử;

đ) Công bố tại cuộc họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức;

e) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Ngoài các hình thức công khai bắt buộc theo quy định của pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm lựa chọn áp dụng một hoặc một số hình thức công khai cho từng lĩnh vực hoạt động phù hợp quy định tại mục 3 nêu trên.

**Câu hỏi 4: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm gì trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 7 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm như sau:

1. Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong phạm vi lĩnh vực, trong cơ quan, tổ chức được giao quản lý; xây dựng các giải pháp để thực hiện nhằm đạt được mục tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm về việc ban hành các văn bản cá biệt không phù hợp thực tiễn hoặc trái pháp luật gây lãng phí.

3. Chịu trách nhiệm cá nhân về việc tổ chức thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; định kỳ đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện chương trình, kế hoạch và giải trình về việc để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức mình.

4. Tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức.

5. Bảo đảm việc thực hiện quyền giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của công dân, cơ quan, tổ chức theo quy định. Khi nhận được phản ánh về các hành vi lãng phí xảy ra, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chỉ đạo kiểm

tra, xem xét để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời và trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã phát hiện.

6. Tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động thanh tra nhân dân; tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ, kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền; xử lý hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật đối với người trong cơ quan, tổ chức mình có hành vi gây lãng phí; thực hiện công khai việc xử lý hành vi gây lãng phí trong cơ quan, tổ chức.

**Câu hỏi 5: Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm như thế nào trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 8 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 thì cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm:

1. Thực hiện chương trình, kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao.

2. Quản lý, sử dụng vốn nhà nước, tài sản nhà nước được giao đúng mục đích, định mức, tiêu chuẩn, chế độ; giải trình và chịu trách nhiệm cá nhân về việc để xảy ra lãng phí thuộc phạm vi quản lý, sử dụng.

3. Tham gia hoạt động thanh tra nhân dân, tham gia giám sát, đề xuất các biện pháp, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức và trong lĩnh vực công tác được phân công; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi gây lãng phí theo thẩm quyền.

**Câu hỏi 6: Việc phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 9 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 quy định việc phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí như sau:

1. Thông tin phát hiện lãng phí bao gồm:

- a) Tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- b) Phản ánh dưới hình thức khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Người phát hiện lãng phí có quyền cung cấp thông tin cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi để xảy ra lãng phí, thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp, cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước để xem xét giải quyết hoặc cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng để đưa tin theo quy định và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, tính chính xác của thông tin phát hiện. Trường hợp cố ý cung cấp thông tin sai sự thật, lợi dụng thông tin gây ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, uy tín của người khác thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi có phát hiện để xảy ra lãng phí có trách nhiệm kiểm tra, làm rõ thông tin phát hiện lãng phí khi được cung cấp; trường hợp có lãng phí xảy ra phải ngăn chặn, khắc phục kịp thời; xử lý theo

thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý sai phạm và thông báo công khai kết quả; giải trình trước cơ quan chức năng về việc để xảy ra lãng phí.

4. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp khi nhận được thông tin về lãng phí có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức làm rõ theo chức năng, nhiệm vụ của mình, ngăn chặn và kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện trách nhiệm của mình trong việc phát hiện, phản ánh hành vi lãng phí.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở việc thực hiện quyền cung cấp thông tin phát hiện lãng phí; đe dọa, trả thù, trù dập, xúc phạm người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí

## **PHẦN II**

### **MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG**

**Câu hỏi 7: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định như thế nào về tài sản công?**

**Trả lời:**

Tại khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định về tài sản công như sau:

Tài sản công là tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, bao gồm: tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; đất đai và các loại tài nguyên khác.

**Câu hỏi 8: Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 6 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

1. Mọi tài sản công đều phải được Nhà nước giao quyền quản lý, quyền sử dụng và các hình thức trao quyền khác cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

2. Tài sản công do Nhà nước đầu tư phải được quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hoả hoạn và nguyên nhân bất khả

kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản công là tài nguyên phải được kiểm kê, thống kê về hiện vật, ghi nhận thông tin phù hợp với tính chất, đặc điểm của tài sản; được quản lý, bảo vệ, khai thác theo quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật.

4. Tài sản công phục vụ công tác quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật.

5. Việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công phải tuân theo cơ chế thị trường, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

6. Việc quản lý, sử dụng tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

7. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 9: Các hành vi nào bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng tài sản công?**

**Trả lời:**

Tại Điều 10 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng tài sản công bao gồm:

1. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt, chiếm giữ và sử dụng trái phép tài sản công.

2. Đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng tài sản công không đúng mục đích, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức.

3. Giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân vượt tiêu chuẩn, định mức hoặc giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không có nhu cầu sử dụng.

4. Sử dụng xe ô tô và tài sản công khác do tổ chức, cá nhân tặng cho không đúng mục đích, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức.

5. Sử dụng hoặc không sử dụng tài sản công được giao gây lãng phí; sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không phù hợp với mục đích sử dụng của tài sản, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao; sử dụng tài sản công để kinh doanh trái pháp luật.

6. Xử lý tài sản công trái quy định của pháp luật.

7. Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản công.

8. Chiếm đoạt, chiếm giữ, sử dụng trái phép tài sản công.

9. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật.

10. Hành vi bị nghiêm cấm khác trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Câu hỏi 10: Theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì tài sản công tại cơ quan, đơn vị, tổ chức bao gồm những tài sản nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 20 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm:

1. Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

2. Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

3. Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị.

4. Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu.

5. Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 11: Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có quyền và nghĩa vụ như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 22 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có các quyền sau đây:

a) Sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ, khai thác và sử dụng hiệu quả tài sản công được giao theo chế độ quy định;

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp;

d) Khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật;

đ) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo vệ, sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm;

b) Lập, quản lý hồ sơ tài sản công, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về kế toán;

c) Báo cáo và công khai tài sản công theo quy định;

d) Thực hiện nghĩa vụ tài chính trong sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật;

đ) Giao lại tài sản công cho Nhà nước khi có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền;

e) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; giám sát của cộng đồng, cán bộ, công chức, viên chức và Ban Thanh tra nhân dân trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

g) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 12: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có quyền và nghĩa vụ như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định quyền và nghĩa vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có các quyền sau đây:

a) Tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Nhà nước giao;

b) Giám sát, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công được giao quản lý, sử dụng;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

d) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có các nghĩa vụ sau đây:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao;

b) Chấp hành quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan, bảo đảm sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao;



d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật;

đ) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 13: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định như thế nào về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công?**

**Trả lời:**

Tại Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công như sau:

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là các quy định về chủng loại, số lượng, mức giá, đối tượng được sử dụng do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.

Quy định về mức giá trong định mức sử dụng tài sản công là giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; trường hợp được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn để xác định định mức.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**Câu hỏi 14: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định như thế nào về xử lý cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công?**

**Trả lời:**

Tại Điều 11 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định việc xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại cho Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm giải trình và phải chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

### PHẦN III

#### MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

**Câu hỏi 15: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định như thế nào về hành vi gây lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước?**

**Trả lời:**

Tại Điều 27 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 và khoản 7 Điều 23 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch quy định hành vi gây lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bao gồm:

1. Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ và giao dự toán không đúng thẩm quyền, trình tự, nội dung và thời gian, không đúng đối tượng, vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

2. Sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước không đúng mục đích, đối tượng, dự toán được giao; vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ; không xây dựng kế hoạch, biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức.

3. Quyết toán chi ngân sách nhà nước không đúng thủ tục, sai nội dung, đối tượng, vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ; duyệt quyết toán chậm, trì hoãn quyết toán sai quy định của pháp luật.

4. Quản lý, sử dụng quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và các quỹ thành lập theo quy định của pháp luật không đúng mục đích, tôn chỉ của quỹ; không đúng quy chế hoạt động và cơ chế tài chính của quỹ.

5. Lập, phê duyệt kế hoạch đào tạo không căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đánh giá các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị và số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên.

6. Xây dựng chương trình, nội dung giáo dục không bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, tính thực tiễn, hợp lý, tính ổn định, thống nhất và tính kế thừa.

7. Sử dụng kinh phí xây dựng chương trình, nội dung giáo dục không đúng mục đích, không phù hợp với kế hoạch đào tạo, khả năng, năng lực của các cơ sở giáo dục.

8. Xây dựng, phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các dự án, công trình về y tế không bảo đảm tính đồng bộ dẫn đến thiếu đội ngũ y, bác sĩ, sử dụng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đạt hiệu suất thấp.

9. Mua sắm trang bị phục vụ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước cấp không đúng mục đích, trùng lặp với các nguồn kinh phí khác, mua sắm vượt quá nhu cầu dẫn đến không sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả.

10. Cấp phép thành lập trường học, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển giáo dục, y tế, quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Câu hỏi 16: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định như thế nào về hành vi gây lãng phí trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc của cơ quan nhà nước?**

**Trả lời:**

Tại Điều 32 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 quy định hành vi gây lãng phí trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc bao gồm:

1. Phê duyệt mua sắm, trang bị phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc không đúng đối tượng; vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Bố trí sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc không đúng mục đích; vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc không vì mục đích công vụ hoặc sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Không xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời đối với phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả.

5. Thiếu trách nhiệm trong việc bảo quản phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc gây hư hỏng, thất thoát tài sản.

6. Không xây dựng biện pháp để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức.

**Câu hỏi 17: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định như thế nào về hành vi gây lãng phí trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng?**

**Trả lời:**

Tại Điều 45 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 quy định hành vi gây lãng phí trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng bao gồm:

1. Phê duyệt dự án đầu tư không nằm trong quy hoạch, kế hoạch được duyệt; thiếu tính khoa học, không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn; vượt định mức, đơn giá theo quy định của pháp luật.

2. Khảo sát địa hình, địa chất không tuân thủ quy trình, quy phạm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; phản ánh số liệu khảo sát không chính xác, trung thực, khách quan. Thiết kế, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình không thực hiện đúng quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án chậm so với tiến độ đã được phê duyệt do nguyên nhân chủ quan; thực hiện dự án, khởi công công trình trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Bố trí vốn dàn trải, chậm tiến độ theo kế hoạch; không quyết toán, chậm quyết toán công trình, dự án.

5. Sử dụng vốn đầu tư không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn; vượt định mức, đơn giá theo quy định của pháp luật.

6. Tự điều chỉnh tổng dự toán công trình trái với quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan. Tự điều chỉnh thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng so với thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ không đúng mục đích, không đúng đối tượng, vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8. Không xử lý theo thẩm quyền hoặc không báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý kịp thời đối với công trình do nhà nước đầu tư không sử dụng được, không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng hiệu quả thấp, không đạt mục tiêu đã định.

9. Sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, lễ khánh thành các công trình không thuộc công trình quan trọng quốc gia; công trình có giá trị lớn, có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của địa phương.

10. Không xây dựng các biện pháp và tổ chức thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng.

**Câu hỏi 18: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định như thế nào về hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên?**

**Trả lời:**

Tại Điều 53 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 quy định hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên bao gồm:

1. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên không đúng quy hoạch, kế hoạch, quy trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Gây ô nhiễm, hủy hoại tài nguyên; không thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường.

3. Giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất không đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả; chậm đưa vào sử dụng theo quyết định giao đất, hợp đồng thuê đất; không thực hiện đúng thời hạn trả lại đất theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bỏ hoang, không khai thác hết diện tích được giao.

4. Không xây dựng biện pháp để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên.

5. Không thực hiện phân loại, xử lý tái chế chất thải theo quy định của pháp luật; gây khó khăn, cản trở cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, thực hiện các dự án sử dụng tài nguyên tái chế.

6. Cấp phép khai thác, chế biến tài nguyên không đáp ứng được yêu cầu sử dụng tiên bộ khoa học, công nghệ.

**Câu hỏi 19: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định như thế nào về hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước?**

**Trả lời:**

Tại Điều 58 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 quy định hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước bao gồm:

1. Tuyển dụng công chức vượt quá chỉ tiêu biên chế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; tuyển dụng sai đối tượng, không đúng quy định hoặc thẩm quyền.

2. Tuyển dụng vào biên chế, ký hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn đối với những công việc có thể áp dụng hình thức hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng hoặc tuyển dụng theo hình thức ngược lại.

3. Tuyển dụng viên chức không căn cứ vào yêu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức không căn cứ vào yêu cầu công việc, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, ngạch, chức danh theo quy định.

5. Đào tạo, bồi dưỡng không đúng kế hoạch, không căn cứ vào yêu cầu cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

6. Sử dụng thời gian lao động vào việc riêng, sử dụng thời gian lao động không hiệu quả.

7. Giao biên chế cao hơn so với nhu cầu thực tế, không phù hợp với tiên bộ khoa học, trình độ tay nghề của người lao động.

**Câu hỏi 20: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định như thế nào về hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp?**

**Trả lời:**

Tại Điều 62 Luật Thực hành tiết kiệm năm 2013 quy định hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

1. Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong doanh nghiệp, bao gồm:

a) Quản lý, sử dụng vốn nhà nước kém hiệu quả, gây thất thoát;

b) Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước không đúng mục đích;

c) Trích lập và quản lý, sử dụng các quỹ không đúng mục đích, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

d) Không tổ chức xây dựng các biện pháp để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định để xảy ra lãng phí thì xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của chủ sở hữu;

b) Tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định và có hành vi vi phạm quy định tại mục 1 nêu trên để xảy ra lãng phí thì xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của chủ sở hữu, của cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Bồi thường một phần hoặc toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật;

c) Tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 21: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định như thế nào về khiếu nại, tố cáo trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí?**

**Trả lời:**

Tại Điều 76 Luật Thực hành tiết kiệm năm 2013 quy định việc khiếu nại, tố cáo trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như sau:

1. Công dân, cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức có quyền khiếu nại; công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật về khiếu nại, pháp luật về tố cáo.

3. Người có hành vi bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong xử lý khiếu nại, tố cáo, xử lý người vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; người có hành vi đe dọa, trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

## PHẦN IV

### TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ KHI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

**Câu hỏi 22: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định như thế nào về việc xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí?**

**Trả lời:**

Tại Điều 78 Luật Thực hành tiết kiệm năm 2013 quy định về xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định gây lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc; trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng; trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định để xảy ra lãng phí thì bị xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý trực tiếp, cơ quan cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Bồi thường một phần hoặc toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật;

c) Tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức không trực tiếp vi phạm nhưng để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức, để xảy ra hành vi lãng phí của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ hoặc không xử lý hành vi lãng phí theo thẩm quyền thì bị xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Tùy theo mức độ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức cấp dưới và trong cơ quan, tổ chức do cấp phó của mình trực tiếp phụ trách và bị xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Tùy theo mức độ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được xem xét giảm trách nhiệm pháp lý quy định tại mục 2 và mục 3 nêu trên đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi lãng phí; xử lý nghiêm minh, báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hành vi lãng phí.

**Câu hỏi 23: Cán bộ, công chức vi phạm quy định pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì bị xử lý kỷ luật như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức thì tùy từng trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cán bộ, công chức bị áp dụng hình thức xử lý kỷ luật tương ứng.

Cụ thể:

### **1. Hình thức kỷ luật khiển trách:**

Áp dụng đối với cán bộ, công chức có hành vi vi phạm quy định của pháp luật lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng, trừ trường hợp cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn thuộc các trường hợp sau (Điều 8 và khoản 3 Điều 9):

- Vi phạm quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức; quy định của pháp luật về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức; kỷ luật lao động; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện;

- Né tránh, đùn đẩy, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao mà không có lý do chính đáng; không chấp hành quyết định điều động, phân công công tác của cấp có thẩm quyền; gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

- Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;



- Vi phạm quy định về quy chế tập trung dân chủ, quy định về tuyên truyền, phát ngôn, quy định về bảo vệ chính trị nội bộ;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình thực thi công vụ;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của Đảng và của pháp luật liên quan đến cán bộ, công chức.

## **2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo**

Áp dụng đối với cán bộ, công chức có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách theo mục 1 nêu trên mà tái phạm ;

+ Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng thuộc các trường hợp tại mục 1 nêu trên ;

+ Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn.

## **3. Hình thức kỷ luật hạ bậc lương**

Áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định mà tái phạm.

+ Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc các trường hợp tại mục 1 nêu trên.

## **4. Hình thức kỷ luật giáng chức**

Áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định mà tái phạm.

+ Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn.

+ Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc các trường hợp tại mục 1 nêu trên (khoản 3 Điều 11).

## **5. Hình thức kỷ luật cách chức**

Áp dụng đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức giáng chức theo quy định mà tái phạm hoặc cán bộ đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định mà tái phạm.

+ Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn.

+ Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc các trường hợp tại mục 1 nêu trên nhưng chưa đến mức buộc thôi việc, người vi phạm có thái độ tiếp thu, sửa chữa, chủ động khắc phục hậu quả và có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

## **6. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc**

Áp dụng đối với công chức có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc hạ bậc lương đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý mà tái phạm.

+ Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc các trường hợp tại mục 1 nêu trên.

+ Ngoài các trường hợp trên, hình thức kỷ luật buộc thôi việc còn được áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn.

## **7. Hình thức kỷ luật bãi nhiệm**

Cán bộ có hành vi vi phạm theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và quy định khác của pháp luật có liên quan thì bị bãi nhiệm. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục bãi nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Câu 24. Viên chức vi phạm quy định pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì bị xử lý kỷ luật như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 16, 17, 18, 19 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức thì tùy từng trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cán bộ, công chức bị áp dụng hình thức xử lý kỷ luật tương ứng.

**1. Hình thức kỷ luật khiển trách**

Áp dụng đối với hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng, trừ viên chức quản lý không thực hiện đúng trách nhiệm, để viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp; Viên chức quản lý không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng. này, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: thực hiện chức trách, nhiệm vụ của viên chức; kỷ luật lao động; quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

- Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

- Né tránh, đùn đẩy, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao mà không có lý do chính đáng; không chấp hành quyết định điều động, phân công công tác của cấp có thẩm quyền; gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

- Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình hoạt động nghề nghiệp;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của Đảng và của pháp luật liên quan đến viên chức.

## **2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo**

Áp dụng đối với viên chức có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách về hành vi vi phạm nêu trên tại mục 1 mà tái phạm;
- Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp mục 1 nêu trên;
- Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - + Viên chức quản lý không thực hiện đúng trách nhiệm, để viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp;
  - + Viên chức quản lý không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng.

## **3. Hình thức kỷ luật cách chức**

Áp dụng đối với viên chức quản lý thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo mục 2 nêu trên mà tái phạm;
- Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp mục 1 nêu trên;
- Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp viên chức quản lý không thực hiện đúng trách nhiệm, để viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp; Viên chức quản lý không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng;
- Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được bổ nhiệm chức vụ.

## **4. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc**

Áp dụng đối với viên chức có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với viên chức quản lý hoặc cảnh cáo đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý mà tái phạm;
- Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp tại mục 1 nêu trên;
- Viên chức quản lý có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp viên chức quản lý không thực hiện đúng trách nhiệm, để viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp hoặc

viên chức quản lý không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng.

- Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Nghiện ma túy; đối với trường hợp này phải có xác nhận của cơ sở y tế hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

**Câu hỏi 25. Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng phương tiện thông tin liên lạc, sử dụng điện, nước, xăng, dầu, sách báo, văn phòng phẩm, tổ chức hội nghị, hội thảo, chi phí tiếp khách, đi công tác trong và ngoài nước bằng kinh phí ngân sách nhà nước; mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước cấp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử lý hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 31 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, dự trữ quốc gia, kho bạc nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 63/2019/NĐ-CP) quy định:

Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng phương tiện thông tin liên lạc, sử dụng điện, nước, xăng, dầu, sách báo, văn phòng phẩm, tổ chức hội nghị, hội thảo, chi phí tiếp khách, đi công tác trong và ngoài nước bằng kinh phí ngân sách nhà nước; mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước cấp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử lý hành chính như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng phương tiện thông tin liên lạc, điện, nước, xăng, dầu, sách báo, văn phòng phẩm, tổ chức hội nghị, hội thảo, chi phí tiếp khách, đi công tác trong và ngoài nước bằng kinh phí ngân sách nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Phạt tiền đối với hành vi mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước cấp không đúng danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các mức phạt sau:

+ Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp mua sắm trang thiết bị có tổng giá trị trang thiết bị không đúng danh mục trong một lần mua dưới 50.000.000 đồng;

+ Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp mua sắm trang thiết bị có tổng giá trị trang thiết bị không đúng danh mục trong một lần mua từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

+ Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp mua sắm trang thiết bị có tổng giá trị trang thiết bị không đúng danh mục trong một lần mua từ 100.000.000 đồng trở lên.

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có hành vi mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước cấp vượt tiêu chuẩn, định mức thì bị phạt tiền theo các mức phạt và buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản đầu tư, mua sắm vượt tiêu chuẩn, định mức đối với hành vi quy định. Cụ thể:

- Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản có giá trị vượt dưới 50.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản;

- Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản có giá trị vượt từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản;

- Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp đầu tư, mua sắm tài sản có giá trị vượt từ 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

Lưu ý: Mức phạt tiền trên là mức phạt tiền quy định đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức; cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức

**Câu hỏi 26: Hành vi vi phạm quy định của pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thì bị xử lý hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 32 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b Khoản 4 Điều 6 Nghị định 102/2021/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022) quy định hành vi vi phạm quy định của pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thì bị xử lý hành chính như sau:

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với các hành vi:

+ Hành vi sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước sai mục đích, tôn chỉ của quỹ do cấp có thẩm quyền ban hành;

+ Hành vi sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách không đúng quy chế hoạt động, cơ chế tài chính của quỹ được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi gây lãng phí trong sử dụng vốn đầu tư không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn, vượt định mức, đơn giá theo quy định của pháp luật.

- Biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Thu hồi nộp về quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách kinh phí sử dụng sai mục đích;

+ Buộc nộp lại quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách số lợi bất hợp pháp có được.

Lưu ý: Mức phạt tiền trên là mức phạt tiền quy định đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức; cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức

**Câu hỏi 27: Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong khai thác, sử dụng tài nguyên nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử lý hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 33 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP quy định hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong khai thác, sử dụng tài nguyên nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử lý như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cản trở trái phép việc thực hiện nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, thực hiện các dự án sử dụng tài nguyên tái chế.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi khai thác, sử dụng tài nguyên không đúng quy hoạch, kế hoạch, quy trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Lưu ý: Mức phạt tiền trên là mức phạt tiền quy định đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức; cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức

**Câu hỏi 28: Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản công thì bị xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 34 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP quy định:

Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; các văn bản có liên quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

**Câu hỏi 29: Hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà**

**nước nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử lý hành chính như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 35 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP quy định hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử lý hành chính như sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước gây lãng phí.

- Đối với hành vi vi phạm quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước gây lãng phí thì áp dụng quy định về phạt tiền đối với hành vi giao tài sản công vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành (không đúng đối tượng, vượt diện tích, vượt số lượng, vượt mức giá) theo các mức phạt và buộc nộp lại số tiền tương ứng với giá trị tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức cụ thể như sau:

+ Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp giao, sử dụng tài sản có giá trị vượt dưới 50.000.000 đồng;

+ Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp giao, sử dụng tài sản có giá trị vượt từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

+ Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp giao, sử dụng tài sản có giá trị vượt từ 100.000.000 đồng trở lên.

Lưu ý: Mức phạt tiền trên là mức phạt tiền quy định đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức; cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức

**Câu hỏi 30. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 219 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017) quy định về tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí như sau:

1. Người nào được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước mà vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản, gây thất thoát, lãng phí từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.



2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm:

- a) Vì vụ lợi;
- b) Có tổ chức;
- c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;
- d) Gây thất thoát, lãng phí từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.

3. Phạm tội gây thất thoát, lãng phí 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.